

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 5978/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 62/BC-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Người đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật về cư trú.

b) Cơ quan Công an thực hiện việc đăng ký quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật về cư trú.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Mức thu lệ phí đăng ký cư trú

(Đơn vị tính: đồng/lần đăng ký)

TT	Nội dung	Mức thu	
		Các phường của thành phố	Các khu vực khác
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	10.000	7.000
2	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu	10.000	7.000
3	Gia hạn tạm trú, tách hộ, xác nhận thông tin về cư trú	10.000	7.000

3. Miễn thu lệ phí đăng ký cư trú

a) Mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh; bệnh binh; người được hưởng chính sách như thương binh; bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ; con dưới 18 tuổi của liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh.

b) Người dưới 16 tuổi.

c) Người dưới 18 tuổi mồ côi cha, mẹ, không nơi nương tựa.

d) Người từ đủ 60 tuổi trở lên.

đ) Người khuyết tật.

e) Hộ nghèo và hộ cận nghèo (trong trường hợp tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh khác tiêu chí của Trung ương thì áp dụng theo tiêu chí của tỉnh).

g) Đăng ký điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính hoặc do lỗi của cơ quan quản lý cư trú.

4. Quản lý và sử dụng nguồn lệ phí

a) Cơ quan thu lệ phí phải nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách Nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu theo chế độ, định mức chi ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan thu lệ phí kê khai, thu, nộp, quyết toán lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Bãi bỏ Nghị quyết số 74/2016/NQ-HĐND9 ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022. *tr.mnh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật - Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website, Báo, Đài PT-TH;
- Các phòng, App;
- Lưu: VT, HC.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Chánh